

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 86/2024/DS-ST

Ngày: 12 - 4 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng

Tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Hoàng Nam

Ông Lê Phú Quốc

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang:**
Bà Nguyễn Thị Diễm Thuý – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 tháng 3 và 12 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2024/QĐXXST-DS, ngày 28 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP KL.

Địa chỉ: Số 40 - 42 - 44, Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc M - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Lê Thụy Thủy T - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP KL – Chi nhánh Rạch Giá.

Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Lê Trường H, sinh năm 1977 – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ - Phòng xử lý nợ - Ngân hàng TMCP KL (theo giấy uỷ quyền số 4755/QĐ-NHKL, ngày 18/12/2023.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị L, sinh năm 1947 (có mặt).

Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1941 (có đơn vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố KL, TT GR, huyện GR, tỉnh KG

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1983; địa chỉ: Khu phố KL, TT GR, huyện GR, tỉnh KG(có mặt).

2. Chị Nguyễn Thị Th2, sinh năm 1982; địa chỉ Ấp Chà Rào, xã Thạnh Bình, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Lê Trường H đại diện tham gia tố tụng của nguyên đơn trình bày: Bà Trần Thị L, ông Nguyễn Văn Ph có vay vốn tại Ngân hàng TMCP KL – Chi nhánh Rạch Giá – Phòng Giao dịch số 3. Theo hợp đồng tín dụng số: 227/19/HĐTD/1007-3694, ngày 24/10/2019 số tiền vay là 60.000.000 đồng; mục đích vay là sản xuất nông nghiệp; thời hạn vay là 12 tháng; ngày giải ngân là ngày 24/10/2019 đến ngày 24/10/2020. Lãi suất thỏa thuận là 13,60%/năm (1.133%/tháng), lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng một lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm thời hạn 12 tháng, lãnh cuối kỳ của Ngân hàng TMCP KL tại thời điểm thay đổi lãi suất vay cộng thêm biên độ 3.80%/năm và không được thấp hơn lãi suất vay tối thiểu hiện hành của biểu lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân (cùng loại hình phương thức vay). Lãi suất vay được cố định trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân theo từng khế ước nH nợ.

Tài sản thế chấp dùng để bảo đảm hợp đồng tín dụng là hợp đồng thế chấp số 117/15/HĐTC-BDS/1007-3694 ngày 05/11/2015, cụ thể: Quyền sử dụng đất số T 702223; diện tích 1.000,91m²; mục đích sử dụng: Đất ở, đất vườn; thuộc thửa 96b, tờ bản đồ số 05; tọa lạc tại ấp Hồng Hạnh, thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, Ủy ban nhân dân huyện Giồng Riềng cấp ngày 05/10/2001, do hộ ông (bà) Trần Thị L đứng tên.

Quá trình vay vốn bà Trần Thị L, ông Nguyễn Văn Ph đã đóng lãi đến tháng 4/2020, thì ngưng cho đến nay, không trả nợ gốc cũng trả lãi. Nay hợp đồng vay đã quá hạn nhưng bà L, ông Ph không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị L, ông Nguyễn Văn Ph phải trả số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử nợ gốc: 60.000.000 đồng; lãi trong hạn 4.060.932 đồng; phạt chậm trả lãi: 1.408.531 đồng; lãi quá hạn: 41.830.027 đồng. Tổng cộng gốc lãi là 107.299.490 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu, hai trăm chín mươi chín nghìn, bốn trăm chín mươi đồng). Và lãi phát sinh sau khi thanh toán đủ số tiền trên theo thỏa thuận của hợp đồng.

Trường hợp Tòa án chấp nH yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng khi bản án có hiệu lực pháp luật mà bà L, ông Ph không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không

đầy đủ số tiền nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp bà L ông Ph đã ký để thu hồi nợ theo thỏa thuận.

- *Bị đơn Trần Thị L trình bày:* Bà Trần Thị L xác định bà và ông Nguyễn Văn Ph có vay vốn tại Ngân hàng Kiên Long với số tiền vay; thời gian vay; tài sản thế chấp như Ngân hàng trình bày là đúng. Nay Ngân hàng Kiên Long khởi kiện yêu cầu bà và ông Ph trả số tiền vay tính đến ngày xét xử hôm nay như Ngân hàng đã tính số tiền nợ gốc 60.000.000 đồng; lãi trong hạn 4.060.932 đồng; phạt chậm trả lãi: 1.408.531 đồng; lãi quá hạn: 41.830.027 đồng. Tổng cộng gốc lãi là 107.299.490 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu hai trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm chín mươi đồng). Nhưng hiện tại gia đình gặp khó khăn chần nuôi bị dịch bệnh chết hết, ông bà đã hết tuổi lao động không có thu nhập nên không có khả năng trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng, nên bà xin giảm toàn phần lãi suất như Ngân hàng đã tính. Đối với nợ gốc bà xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Ông Nguyễn Văn Ph chồng của bà Trần Thị L cùng là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng ông Ph có đơn xin vắng mặt không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn.

Anh Nguyễn Văn Th và chị Nguyễn Thị Th2 là con của bà Trần Thị L, ông Nguyễn Văn Ph trình bày: Anh chị xác định việc vay vốn của mẹ là Trần Thị L, cha Nguyễn Văn Ph có biết và cũng biết là cha mẹ dùng tài sản quyền sử dụng đất để thế chấp cho khoản vay. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng ghi là cấp cho hộ, anh chị xác định anh chị là con và là thành viên của hộ, nhưng đất này là của cha mẹ, anh chị không có sự đóng góp vào khối tài sản này. Nay Ngân hàng khởi kiện đối với khoản vay mà cha mẹ anh chị vi phạm thì anh chị không có ý kiến và không yêu cầu gì trong vụ án cũng như trong phần tài sản thế chấp.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Trường H đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý việc bà L xin giảm lãi và xin trả nợ dần.

Bị đơn bà Trần Thị L thừa nhận nợ nhưng xin miễn giảm toàn bộ lãi suất và xin trả dần nợ gốc.

Anh Nguyễn Văn Th không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Ph bị đơn và chị Th2 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Ph, chị Th2. Tuy nhiên, Thẩm phán còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, cần khắc phục trong thời gian tới.

Về nội dung: Ngân hàng TMCP KL yêu cầu ông Ph, bà L phải trả số nợ gốc là 60.000.000 đồng; lãi trong hạn 4.060.932 đồng; phạt chậm trả lãi: 1.408.531 đồng; lãi quá hạn: 41.830.027 đồng. Tổng cộng gốc lãi là 107.299.490 đồng. Ngoài số tiền nêu trên, Ngân hàng TMCP KL yêu cầu ông Ph, bà L phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày Tòa án xét xử sơ thẩm cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng hai bên đã ký là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nH yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí xử lý theo quy định của pháp luật.

NH ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nH định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP KL khởi kiện ông Nguyễn Văn Ph, bà Trần Thị L có nơi cư trú tại khu phố Kim Liên, thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, theo quy định tại khoản 3 Điều 25, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Ph, bà Trần Thị L phải trả số nợ vay theo hợp đồng tín dụng xác định là quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Ph; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xét xử vắng mặt căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Ph, chị Th2.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP KL tổng số tiền gốc và lãi là 107.299.490 đồng (một trăm lẻ bảy triệu hai trăm chín mươi chín

ngàn bốn trăm chín mươi đồng). Trong đó: Nợ gốc là 60.000.000 đồng; lãi trong hạn 4.060.932 đồng; Tiền phạt chậm trả lãi 1.408.531 đồng; lãi quá hạn 41.830.027 đồng. Và buộc ông Ph, bà L phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày lãi từ ngày 13/4/2024 theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng TMCP KL tương ứng với số tiền nợ gốc và thời gian chậm trả cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ. Đồng thời yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Bị đơn bà Trần Thị L thừa nH nợ như Ngân hàng đã tính nhưng xin miễn giảm lãi và xin trả dần nợ gốc nhưng không được đại diện Ngân hàng chấp nH.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Theo hợp đồng tín dụng số: 227/19/HĐTD/1007-3694, ngày 24/10/2019 giữa Ngân hàng TMCP KL với ông Nguyễn Văn Ph, Trần Thị L trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được pháp luật thừa nH và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Văn Ph, bà Trần Thị L đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong hợp đồng tín dụng, liên tục không trả nợ gốc cũng như đóng lãi trong nhiều kỳ. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông Ph, bà L vẫn không có thiện chí trả nợ. Tạm tính đến ngày xét xử ngày 12/4/2024, tổng số tiền nợ là 107.299.490 đồng (một trăm lẻ bảy triệu hai trăm chín mươi chín ngàn bốn trăm chín mươi đồng). Trong đó: Nợ gốc là 60.000.000 đồng; lãi trong hạn 4.060.932 đồng; Tiền phạt chậm trả lãi 1.408.531 đồng; lãi quá hạn 41.830.027 đồng. Do ông Ph, bà L đã vi phạm các nghĩa vụ trả nợ như cam kết trong hợp đồng nên Ngân hàng TMCP KL đã khởi kiện tại Tòa án. Việc khởi kiện của Ngân hàng TMCP KL yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn Ph, bà Trần Thị L phải trả số tiền còn nợ nói trên là phù hợp với định tại Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, khoản 1 Điều 95 và khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng. Việc bà L xin được miễn giảm lãi và xin trả nợ dần số tiền gốc không được đại diện Ngân hàng đồng ý nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nH yêu cầu của bà L.

[4] Về lãi suất: Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với khoản tiền lãi mà Ngân hàng tạm tính lãi suất và lãi suất quá hạn của hợp đồng tín dụng, phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, 8, 12 Nghị quyết 01/2019NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất nên Hội đồng xét xử chấp nH.

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 13/4/2024 theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 227/2019/HĐTD/1007-3694 ngày 24/10/2019 cho đến khi ông Nguyễn Văn Ph, bà Trần Thị L thanh toán xong khoản nợ.

[5] Về tài sản thế chấp: Trường hợp ông Nguyễn Văn Ph, bà Trần Thị L không thanh toán khoản nợ hoặc trả không đủ theo hợp đồng nói trên thì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 96-b, tờ bản đồ số 5, địa chỉ ấp Hồng Hạnh (nay khu phố Kim Liên), thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nh quyền sử dụng đất số T702223, do Ủy ban nhân dân huyện Giồng Riềng cấp ngày 05/10/2001 đứng tên hộ ông (bà) Trần Thị L theo hợp đồng thế chấp số 117/15/HĐTC-BDS/1007-3694 ngày 05/11/2015, được xử lý theo quy định tại Điều 299 và Điều 303 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP KL được chấp nh nên bị đơn là ông ông Nguyễn Văn Ph, bà Trần Thị L phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho Ngân hàng TMCP KL là $107.299.490 \text{ đồng} \times 5\% = 5.364.974 \text{ đồng}$ (Năm triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn chín trăm bảy mươi bốn đồng). Nhưng ông Ph bà L thuộc trường hợp người cao tuổi có đơn xin miễn án phí được Tòa án chấp nh, nên ông Ph, bà L được miễn toàn bộ án phí được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Ngân hàng TMCP KL được nh lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.249.575 đồng (Hai triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm bảy mươi năm đồng), do Nguyễn Thị Chang nộp thay theo biên lai thu số 0008021, ngày 17/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 266; Điều 269; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điều 463; Điều 466 và Điều 468; Điều 466; Điều 357; Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015;

Điều 91; Điều 95 và khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nH yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP KL. Buộc ông Nguyễn Văn Ph, bà Trần Thị L phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP KL tổng số tiền 107.299.490 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu hai trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm chín mươi đồng). Trong đó nợ gốc là 60.000.000 đồng; lãi trong hạn 4.060.932 đồng; Tiền phạt chậm trả lãi 1.408.531 đồng; lãi quá hạn 41.830.027 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, ông Ph, bà L còn phải trả cho Ngân hàng TMCP KL tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận tại hợp đồng. Trường hợp tại hợp đồng cấp tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng thì lãi suất mà ông Ph, bà L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Trường hợp ông Nguyễn Văn Ph, bà Trần Thị L trả hết tiền nợ gốc và tiền nợ lãi cho Ngân hàng TMCP KL, thì Ngân hàng TMCP KL có trách nhiệm trả lại cho ông Ph, bà L bản chính giấy chứng nH quyền sử dụng đất đang thế chấp tại Ngân hàng thuộc thửa đất số 96-b, tờ bản đồ số 5, địa chỉ ấp Hồng Hạnh (nay khu phố Kim Liên), thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nH quyền sử dụng đất số T702223, do Ủy ban nhân dân huyện Giồng Riềng cấp ngày 05/10/2001 đứng tên hộ ông (bà) Trần Thị L theo hợp đồng thế chấp số 117/15/HĐTC-BĐS/1007-3694 ngày 05/11/2015.

Trường hợp ông Ph, bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng TMCP KL có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 96-b, tờ bản đồ số 5, địa chỉ ấp Hồng Hạnh (nay khu phố Kim Liên), thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nH quyền sử dụng đất số T702223, do Ủy ban nhân dân huyện Giồng Riềng cấp ngày 05/10/2001 đứng tên hộ ông (bà) Trần Thị L theo hợp đồng thế chấp số 117/15/HĐTC-BĐS/1007-3694 ngày 05/11/2015 của ông Ph, bà L để thu hồi nợ.

2. Án phí:

Ông Nguyễn Văn Ph, bà Trần Thị L là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên ông Ph bà L được miễn tiền án dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP KL được nH lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.249.575 đồng, do Nguyễn Thị Chang nộp thay theo biên lai thu số 0008021, ngày 17/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Ngân hàng TMCP KL, bà Trần Thị L, anh Nguyễn Văn Th có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Văn Ph, chị Nguyễn Thị Th2 vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nH được bản án hoặc Toà án niêm yết bản án hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nH:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- CCTHADS huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

